

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TTV22B2LX** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH04226** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Tiếng anh**
Số tín chỉ: **4**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1					Hệ số 2					ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2254802033177	Nguyễn Xuân An	28/11/2007					9	8.5	9.0	9.5	9.5		9.2		9.2
2	2254802033178	Huỳnh Kim Anh	09/07/2007					9.5	6.0	5.0	5.0	6.0		4.8		5.3
3	2254802033179	Huỳnh Thị Hồng Anh	30/06/2006					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
4	2254802033180	Lê Ngọc Anh	28/03/2007					10	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.4
5	2254802033181	Nguyễn Huỳnh Ngọc Ánh	25/09/2007					10	0.0	6.0	6.0	6.0		8.0		6.8
6	2254802033182	Trần Tấn Dư	29/07/2006					9	5.0	5.0	3.5	5.0		3.4		4.1
7	2254802033183	Nguyễn Gia Hân	19/02/2007					9	7.0	6.0	8.0	7.0		6.0		6.5
8	2254802033184	Lê Trung Hiếu	25/11/2007					8.5	8.0	0.0	0.0	8.0		0.0	0.0	1.8
9	2254802033185	Nguyễn Phúc Khang	23/11/2005					10	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.4
10	2254802033186	Nguyễn Minh Khôi	16/09/2007					10	9.0	10.0	9.5	9.5		9.0		9.2
11	2254802033187	Nguyễn Thành Lâm	10/02/2007					10	9.5	10.0	9.5	9.5		8.6		9.0
12	2254802033188	Nguyễn Thị Thùy Liên	04/07/2002					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
13	2254802033189	Phan Thành Bảo Lộc	20/09/2007					7	8.0	4.0	3.0	7.5		5.4		5.6
14	2254802033190	Trần Thị Xuân Mai	15/06/2004					10	10.0	8.5	9.0	10.0		8.8		9.1
15	2254802033191	Nguyễn Thị Kim Minh	23/01/2007					10	0.0	8.5	8.5	8.5		8.4		7.8
16	2254802033192	Trác Diệu Minh	17/10/2007					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
17	2254802033193	Lê Ngọc Phương Nghi	16/04/2007					10	7.5	7.0	7.0	7.0		7.6		7.5
18	2254802033194	Huỳnh Bảo Ngọc	27/12/2007					10	7.0	6.5	6.0	7.0		6.8		6.9
19	2254802033195	Nguyễn Thanh Nhơn	11/03/2007					10	7.0	4.5	5.0	7.0		6.8		6.6
20	2254802033196	Nguyễn Quỳnh Như	27/04/2007					5	7.0	6.5	9.0	9.0		8.8		8.3
21	2254802033197	Nguyễn Ngọc Tố Quyên	25/07/2007					7	9.0	7.0	7.0	7.5		7.4		7.5
22	2254802033198	Huỳnh Lịch Sứ	22/06/2007					9	8.5	8.0	9.0	8.5		8.0		8.2
23	2254802033199	Trần Thị Thanh Thảo	07/09/2007					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
24	2254802033200	Dương Phước Thiện	12/03/2007					7.5	4.5	4.5	5.0	5.0		4.2		4.5
25	2254802033201	Nguyễn Phú Thọ	07/09/2007					10	8.0	10.0	10.0	10.0		9.6		9.6
26	2254802033202	Lê Huỳnh Anh Thư	29/09/2007					10	6.5	8.5	5.0	8.5		8.8		8.3
27	2254802033203	Phạm Lý Anh Thư	19/10/2007					10	5.0	2.5	5.0	5.0		0.0		2.0
28	2254802033204	Ngũ Văn Tòa	29/12/2007					10	8.5	7.5	10.0	8.5		6.8		7.6
29	2254802033205	Huỳnh Huyền Trang	22/09/1992					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
30	2254802033206	Lê Quốc Anh Tuấn	12/03/2007					9	4.5	5.0	4.5	5.0		6.0		5.7
31	2254802033207	Nguyễn Bình Thiên Tường	26/08/2006					10	8.0	3.5	4.0	8.0		6.4		6.4
32	2254802033208	Lâm Kim Thảo Uyên	08/04/2007					7	8.0	4.5	5.0	8.0		8.6		7.7
33	2254802033209	Phan Thị Thúy Vân	10/09/2007					9	7.0	0.0	6.5	7.0		5.8		5.7
34	2254802033210	Bùi Ngọc Triệu Vy	17/07/2007					10	9.5	7.0	7.0	9.5		8.4		8.4
35	2254802033211	Nguyễn Thị Cẩm Xuyên	30/11/2007					4	4.0	0.0	0.0	4.0		0.0	0.0	0.9

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	-------	-------	------------

Châu Đốc, ngày 28 tháng 3 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Đỗ Thị Hải Nhi